

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

(V/v: Giải trình số liệu BCTC quý 1/2015 của Công Ty Mẹ và BCTC hợp nhất quý 1/2015)

I. Thuyết minh bổ sung số liệu trên thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2015 của công ty:

1) Thay thế thông tin số liệu trên thuyết minh BCTC quý 1/2015 của công ty mẹ:

Trong thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2015 của công ty mẹ, chúng tôi xin thay thế thuyết minh tại mục VIII.5 “Thông tin so sánh (những thay đổi thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)” cho đầy đủ theo đúng quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

Khôan mục trên bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2014 đã kiểm toán		Thay đổi	Số liệu tại ngày 31/12/2014 trình bày lại	
	Mã số	Số tiền		Mã số trình bày lại	Số tiền
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	862,870,504,654	23,393,281,049	130	886,263,785,703
Phải thu ngắn hạn khác	135	505,485,754,274	23,393,281,049	136	528,879,035,323
Tài sản ngắn hạn khác	150	27,019,153,615	(23,393,281,049)	150	3,625,872,566
Tài sản ngắn hạn khác	155	23,393,281,049	(23,393,281,049)	155	-
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	429,294,250	210	429,294,250
Phải thu dài hạn khác	216	-	429,294,250	216	429,294,250
Tài sản cố định	220	81,818,307,473	(50,067,239,619)	220	31,751,067,854
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	50,067,239,619	(50,067,239,619)		
Tài sản dở dang dài hạn			50,067,239,619	240	50,067,239,619
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			50,067,239,619	242	50,067,239,619
Tài sản dài hạn khác	260	13,754,714,522	(429,294,250)	260	13,325,420,272
Tài sản dài hạn khác	268	429,294,250	(429,294,250)	268	-
Nợ ngắn hạn	310	519,433,572,502	(168,047,569,017)	310	351,386,003,485
Vay và nợ ngắn hạn	311	71,073,410,576	(71,073,410,576)		-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	71,073,410,576	320	71,073,410,576
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	315,416,558,296	(168,047,569,017)	315	147,368,989,279
Nợ dài hạn	330			330	

		876,322,592,251	168,047,569,017		1,044,370,161,268
Chi phí phải trả dài hạn		-	168,047,569,017	333	168,047,569,017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(302,854,339,965)	-	421	(302,854,339,965)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến kỳ trước			(331,511,203,965)	421a	(331,511,203,965)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này			28,656,864,000	421b	28,656,864,000

2) Thuyết minh bổ sung thông tin số liệu trên thuyết minh BCTC hợp nhất quý 1/2015 của công ty:

Chúng tôi xin thuyết minh rõ thêm các nội dung trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 của công ty theo quy định như sau:

- Năm 2014, Công ty chúng tôi không thực hiện lập báo cáo hợp nhất quý 1/2014 nên số liệu đầu kỳ so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 chúng tôi lấy theo số liệu của công ty mẹ, cụ thể như sau:

+ Thông tin số liệu so sánh đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên BCTC công ty mẹ năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh và được trình bày lại theo thông tư số 200/2014/TT-BTC.

+ Thông tin số liệu so sánh đầu kỳ trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được công ty lấy theo số liệu của báo cáo tài chính quý 1/2014 của công ty mẹ.

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 của Công ty chúng tôi được tiến hành thực hiện hợp nhất với số liệu báo cáo tài chính quý 1/2015 của hai công ty con là: Công ty TNHH MTV Saigontel và Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel.

- Trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 của công ty, chúng tôi xin bổ sung thuyết minh tại mục VIII.5 “Thông tin so sánh (những thay đổi thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)” theo đúng quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

Khóa mục trên bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2014 đã kiểm toán		Thay đổi	Số liệu tại ngày 31/12/2014 trình bày lại	
	Mã số	Số tiền		Mã số trình bày lại	Số tiền
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	862,870,504,654	23,393,281,049	130	886,263,785,703
Phải thu ngắn hạn khác	135	505,485,754,274	23,393,281,049	136	528,879,035,323
Tài sản ngắn hạn khác	150	27,019,153,615	(23,393,281,049)	150	3,625,872,566
Tài sản ngắn hạn khác	155	23,393,281,049	(23,393,281,049)	155	-
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	429,294,250	210	429,294,250
Phải thu dài hạn khác	216	-	429,294,250	216	429,294,250
Tài sản cố định	220	81,818,307,473	(50,067,239,619)	220	31,751,067,854
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	50,067,239,619	(50,067,239,619)		

26
CỘT
CỔ
NG
SẢ

Tài sản dở dang dài hạn			50,067,239,619	240	50,067,239,619
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			50,067,239,619	242	50,067,239,619
Tài sản dài hạn khác	260	13,754,714,522	(429,294,250)	260	13,325,420,272
Tài sản dài hạn khác	268	429,294,250	(429,294,250)	268	-
Nợ ngắn hạn	310	519,433,572,502	(168,047,569,017)	310	351,386,003,485
Vay và nợ ngắn hạn	311	71,073,410,576	(71,073,410,576)		-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	71,073,410,576	320	71,073,410,576
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	315,416,558,296	(168,047,569,017)	315	147,368,989,279
Nợ dài hạn	330	876,322,592,251	168,047,569,017	330	1,044,370,161,268
Chi phí phải trả dài hạn		-	168,047,569,017	333	168,047,569,017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(302,854,339,965)	-	421	(302,854,339,965)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến kỳ trước			(331,511,203,965)	421a	(331,511,203,965)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này			28,656,864,000	421b	28,656,864,000

II. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 so với cùng kỳ năm trước và đính chính thông tin số liệu kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của quý 1/2014 trên BCTC quý 1/2015:

1. Đính chính thông tin số liệu kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của quý 1/2014 trên BCTC công ty mẹ và hợp nhất quý 1/2015:

Do quý 1/2014, công ty chúng tôi không thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh đầu kỳ trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 chúng tôi lấy theo số liệu báo cáo tài chính của công ty mẹ. Tuy nhiên, trong quá trình đánh máy có sơ suất nên Công ty chúng tôi xin đính chính thông tin số liệu kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ quý 1/2014 trên báo cáo tài chính quý 1/2015 của công ty mẹ như sau:

a) Đính chính thông tin số liệu kết quả kinh doanh quý 1/2014 trên BCTC công ty mẹ và hợp nhất quý 1/2015:

Chỉ tiêu	Số liệu kết quả kinh doanh quý 1/2014 (trên BCTC công ty mẹ và hợp nhất)	
	Số liệu trước đính chính	Số liệu đính chính
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.146.304.422	39.846.304.422
Các khoản giảm trừ doanh thu	106.588.658	106.588.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.039.715.764	39.739.715.764
Giá vốn hàng bán	14.001.581.459	16.821.581.459
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.038.134.305	22.918.134.305

Doanh thu hoạt động tài chính	307.923.892	307.923.892
Chi phí tài chính	11.539.534.017	11.539.534.017
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>11.513.903.797</i>	<i>11.513.903.797</i>
Chi phí bán hàng	9.972.000	9.972.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.800.003.159	2.800.003.159
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.996.549.021	8.876.549.021
Thu nhập khác	237.580.759	237.580.759
Chi phí khác	216.829.159	216.829.159
Lợi nhuận khác	20.751.600	20.751.600
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.017.300.621	8.897.300.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành	327.912.644	327.912.644
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.533.378.782	3.533.378.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.156.009.195	5.036.009.195
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	68
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		

b) **Đỉnh chính thông tin số liệu lưu chuyển tiền tệ quý 1/2014 trên BCTC công ty mẹ và hợp nhất quý 1/2015:**

Chỉ tiêu	Số liệu lưu chuyển tiền tệ quý 1/2014 (trên BCTC công ty mẹ và hợp nhất)	
	Số liệu trước đỉnh chính	Số liệu đỉnh chính
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	7.017.300.621	8.897.300.621
Điều chỉnh cho các khoản :		
- Khấu hao tài sản cố định	831.348.757	831.348.757
- Các khoản dự phòng	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(307.923.892)	(307.923.892)
- Chi phí Lãi vay	11.513.903.797	11.513.903.797
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	19.054.629.283	20.934.629.283
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	404.066.922	(4.295.933.078)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	(1.942.493.737)	(1.942.493.737)

06 /
 TY
 AN
 ENT
 ON
 HO

- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	6.094.919.950	8.914.919.950
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	(508.836.330)	(508.836.330)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	-	-
- Tiền Lãi vay đã trả	(1.604.369.541)	(1.604.369.541)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.129.910.195	1.129.910.195
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(600.023.203)	(600.023.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	22.027.803.539	22.027.803.539
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(6.697.433.820)	(6.697.433.820)
- Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	-	-
- Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
- Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	-	-
- Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	7.499.560.000	7.499.560.000
- Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	307.923.892	307.923.892
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	1.110.050.072	1.110.050.072
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	11.647.945.666	11.647.945.666
- Tiền chi trả nợ gốc vay	(25.093.227.774)	(25.093.227.774)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(13.445.282.108)	(13.445.282.108)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	9.692.571.503	9.692.571.503
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	13.380.813.371	13.380.813.371
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	23.073.384.874	23.073.384.874

2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2015 so với cùng kỳ năm trước trên BCTC quý 1/2015 :

a) Giải trình số liệu trên báo cáo tài chính quý 1/2015 của công ty mẹ:

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 1/2015 của công ty mẹ so với Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 1/2014 có chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu Quý 1		Chênh lệch	
	2015	2014	Giá trị	Tỷ lệ %/ năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,032,034,437	5,036,009,195	4,996,025,242	99.21%

Lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 có sự gia tăng so với lợi nhuận sau thuế của quý 1/2014 là do trong năm nay, các dự án kinh doanh thương mại của công ty đã đi vào hoạt động làm cho doanh thu và lợi nhuận của mảng kinh doanh thương mại gia tăng đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, trong quý 1/2015, công ty thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn và cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu Tư Phát Triển Nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận. Việc chuyển nhượng này cũng đem lại cho SGT một khoản lợi nhuận đáng kể. Chính vì vậy, nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 có tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

b) Giải trình số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 của công ty SGT:

Tại thời điểm quý 1/2014, công ty chúng tôi không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính nên số liệu kết quả kinh doanh của quý 1/2014 trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015, công ty chúng tôi lấy theo số liệu kết quả kinh doanh quý 1/2014 của công ty mẹ đã công bố. Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015 của công ty so với Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 1/2014 có chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu Quý 1		Chênh lệch	
	2015	2014	Giá trị	Tỷ lệ %/ năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.562.439.603	5.036.009.195	4.526.430.408	89,88%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	9.766.922.716			

Lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 có sự gia tăng đáng kể so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2014 là do trong năm nay, các hoạt động kinh doanh thương mại và chuyển nhượng cổ phiếu của công ty đã đem lại khoản lợi nhuận đáng kể cho công ty. Chính vì vậy, lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 có sự gia tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CẨM PHƯƠNG